

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2016-2017

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm học 2016-2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2016-2017, cụ thể như sau:

1. Mức thu học phí: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Thu, quản lý và sử dụng học phí:

a) Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện thì nhà trường có thể thu một lần cho một học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên học phí thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm học. Biên lai thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Học phí được sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Toàn bộ học phí thu được phải gửi vào Kho bạc Nhà nước.

d) Thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

đ) Thu, chi học phí của cơ sở giáo dục công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Từ năm học 2017-2018 trở đi, căn cứ theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí quy định tại Điều 1 Quyết định này phù hợp với tình hình thực tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2016.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NSương.



**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC HỌC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC  
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/tháng/học sinh)
<b>I</b>	<b>Trường mầm non</b>	
1	Thành thị (phường, thị trấn)	70.000
2	Nông thôn (xã)	35.000
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	
1	<b>Thành thị (phường, thị trấn)</b>	
a	Lớp 6	65.000
b	Lớp 7	
c	Lớp 8	
d	Lớp 9	
2	<b>Nông thôn (xã)</b>	
a	Lớp 6	35.000
b	Lớp 7	
c	Lớp 8	
d	Lớp 9	
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	
1	<b>Đối với các lớp phổ thông dạy chương trình đại trà</b>	
a	<b>Thành thị (phường, thị trấn)</b>	
-	Lớp 10	80.000
-	Lớp 11	
-	Lớp 12	
b	<b>Nông thôn (xã)</b>	
-	Lớp 10	40.000
-	Lớp 11	
-	Lớp 12	
2	<b>Đối với trường chuyên, các lớp phổ thông dạy theo chương trình chuyên tại thành thị (phường, thị trấn)</b>	

-	Lớp 10	90.000
-	Lớp 11	
-	Lớp 12	
<b>IV</b>	<b>Trung tâm giáo dục thường xuyên</b>	Áp dụng học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn